

Hà Đông, ngày 28 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 514/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: ông Đỗ Đình D, sinh năm 1957. HKTT: số 2, tổ 72, quận B, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: bà Mai Thị D1, sinh năm 1956. HKTT: số 2, tổ 72, quận B, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: 1008 S2, Chung cư S, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các điều 55, 55, 56, 58, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự: ông Đỗ Đình D và bà Mai Thị D1 (Giấy công nhận kết hôn số 302, quyển số 1 do UBHC Thanh Hóa cấp ngày 23/9/1977 không còn giá trị).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Có 02 con chung là: Đỗ Trung K, sinh ngày 19/5/1978 và Đỗ Thùy D2, sinh ngày 24/5/1980. Các con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

2.3. Về án phí: ông Đỗ Đình D tự nguyện nộp cả 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện sung quỹ 150.000đ tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm còn lại (được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông theo biên lai số 9431 ngày 08/11/2021).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Ngọc Mai